

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Dạng đầy đủ  
Quý 02 năm 2015  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30 tháng 06 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>905.093.993.697</b>	<b>867.201.220.095</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>184.671.930.976</b>	<b>200.636.882.571</b>
1. Tiền	111		139.671.930.976	160.636.882.571
2. Các khoản tương đương tiền	112		45.000.000.000	40.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>160.000.000.000</b>	<b>145.000.000.000</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		160.000.000.000	145.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>119.941.834.095</b>	<b>61.381.972.363</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		112.787.483.324	52.373.840.212
2. Trả trước ngắn hạn cho người bán	132		4.651.434.206	5.821.567.338
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	<b>6</b>	4.484.309.831	5.164.971.757
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.041.490.118)	(2.041.490.118)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		60.096.852	63.083.174
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>425.035.017.509</b>	<b>448.492.173.873</b>
1. Hàng mua đang đi trên đường	141		83.271.264.923	40.421.769.898
2. Nguyên liệu, vật liệu	142		139.787.730.277	159.784.651.608
3. Công cụ, dụng cụ TK153	143		12.288.002.944	43.911.439.032
4. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	144		94.706.170.899	96.061.594.692
5. Thành phẩm	145		106.516.969.561	111.363.428.772
6. Hàng hóa	146		94.324.696	157.964.046
7. Hàng gửi đi bán	147		282.270.140	-
8. Hàng hoá kho bảo thuế	148			
9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(11.911.715.931)	(3.208.674.175)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>15.445.211.117</b>	<b>11.690.191.288</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>12</b>	7.610.015.444	3.027.173.889
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.110.495.908	5.705.023.706
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		2.724.699.765	2.957.993.693
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>392.753.308.395</b>	<b>384.488.792.025</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>341.819.288.589</b>	<b>364.494.340.121</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>8</b>	310.296.256.787	333.229.376.890
Nguyên giá	222		714.696.999.161	711.809.189.486
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(404.400.742.374)	(378.579.812.596)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>9</b>	31.523.031.802	31.264.963.231
Nguyên giá	228		57.251.346.048	55.780.846.048
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(25.728.314.246)	(24.515.882.817)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>5.145.792.791</b>	<b>5.634.772.664</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	<b>10</b>	5.145.792.791	5.634.772.664
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.600.000.000</b>	<b>3.600.000.000</b>
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	<b>11</b>	3.600.000.000	3.600.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>42.188.227.015</b>	<b>10.759.679.240</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>13</b>	4.040.265.441	6.544.748.557
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		10.808.930.775	4.024.530.683
	263			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			27.148.630.799	
4. Tài sản dài hạn khác	268		190.400.000	190.400.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.297.847.302.092</b>	<b>1.251.690.012.120</b>

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30 tháng 06 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>779.143.329.657</b>	<b>740.238.412.342</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>775.020.329.657</b>	<b>736.115.412.342</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		109.245.134.798	95.569.286.119
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.123.839.712	7.675.620.874
	313			
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		15	28.897.276.329	18.507.028.249
4. Phải trả người lao động	314		74.443.920.479	79.028.472.138
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	73.188.901.657	34.404.052.268
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	21.013.401.203	1.080.124.549
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	454.545.470.651	487.353.040.594
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	18	6.908.915.025	6.908.915.025
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.653.469.803	5.588.872.526
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.123.000.000</b>	<b>4.123.000.000</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337		4.123.000.000	4.123.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>518.703.972.435</b>	<b>511.451.599.778</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>518.703.972.435</b>	<b>511.451.599.778</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	309.812.930.000	269.878.430.000
	411a			
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết			309.812.930.000	269.878.430.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		62.295.088.755	62.295.088.755
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(14.419.110.657)	(14.419.110.657)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		84.681.949.730	57.694.106.730
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			26.987.843.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		76.333.114.607	109.015.241.950
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a			
- LNST chưa phân phối lũy kế kỳ này	421b		47.189.936.064	18.845.229.132
			29.143.178.543	90.170.012.818
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.297.847.302.092</b>	<b>1.251.690.012.120</b>

Ghi chú : Các số ghi trong dấu ( ) là số âm.

LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Ngọc Ánh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Duy Hưng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2015

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Thanh Văn

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Dạng đầy đủ)  
Quý 2 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

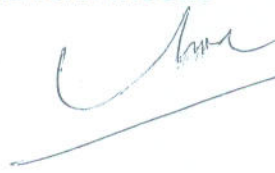
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		630.636.961.866	535.215.082.681	1.126.843.683.209	950.016.986.158
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		29.443.543.875	21.780.340	34.414.602.890	24.698.464
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		601.193.417.991	535.193.302.341	1.092.429.080.319	949.992.287.694
4. Giá vốn hàng bán	11		479.748.822.171	429.824.319.110	874.321.058.434	777.231.764.271
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		121.444.595.820	105.368.983.231	218.108.021.885	172.760.523.423
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		4.250.938.553	6.810.437.251	7.972.215.328	10.591.244.244
7. Chi phí tài chính	22		8.909.926.513	10.799.428.429	15.081.397.572	16.648.534.875
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.656.098.164	4.888.523.406	3.827.915.485	9.709.133.909
8. Chi phí bán hàng	25		68.320.227.924	64.274.206.072	129.872.737.319	107.523.827.675
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		13.741.107.466	9.474.155.349	19.594.144.754	16.052.124.933
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		34.724.272.470	27.631.630.632	61.531.957.568	43.127.280.184
11. Thu nhập khác	31		797.320.905	285.156.344	1.225.112.899	522.393.787
12. Chi phí khác	32		26.791.928	-	106.791.928	318.671.575
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		770.528.977	285.156.344	1.118.320.971	203.722.212
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		35.494.801.447	27.916.786.976	62.650.278.539	43.331.002.396
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		14.642.938.562	5.969.173.267	22.244.742.567	9.360.345.660
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(6.784.400.092)	529.976.917	(6.784.400.092)	529.976.917
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		27.636.262.977	21.417.636.792	47.189.936.064	33.440.679.819
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1.038	804	1.772	1.256
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		807	804	1.541	1.256

LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Ngọc Ánh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Duy Hưng

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2015

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Thanh Văn

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)  
6 tháng năm 2015

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
1	2	3	4	5
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế:	01		62.650.278.539	43.331.002.396
2. Điều chỉnh cho các khoản:			18.526.424.237	31.809.325.940
- Khấu hao TSCĐ	02		27.033.361.207	31.471.276.059
- Các khoản dự phòng	03		(8.703.041.756)	(3.001.941.153)
- (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		2.844.788.144	3.635.147.614
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.476.598.843)	(10.004.290.489)
- Chi phí lãi vay	06		3.827.915.485	9.709.133.909
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		81.176.702.776	75.140.328.336
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09		(57.735.026.328)	(12.821.917.890)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10		23.457.156.364	(6.613.884.450)
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		73.647.889.981	(188.034.164.903)
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	12		(2.078.358.439)	(8.137.353.493)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.515.508.061)	(9.749.144.749)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.697.004.180)	(13.431.462.051)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(645.402.719)	(4.473.018.067)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		105.610.449.394	(168.120.617.267)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.658.468.640)	(17.695.785.199)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		281.599.454	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(185.000.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		125.000.000.000	50.500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.834.343.933	6.604.685.225
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(60.542.525.253)	39.408.900.026
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		678.828.927.753	719.539.973.169
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(720.618.102.027)	(569.213.628.669)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(19.105.830.068)	(31.950.037.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(60.895.004.342)	118.376.307.300
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 + 30 + 40)	50		(15.827.080.201)	(10.335.409.941)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	200.636.882.571	199.966.907.621
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(137.871.394)	(201.126.912)
Ảnh hưởng của việc tái phân loại các khoản tương đương tiền cuối kỳ	62			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50 + 60 + 61)	70	4	184.671.930.976	189.430.370.768

LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Ngọc Ánh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Duy Hưng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2015  
TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Thanh Văn

**Giấy Chứng nhận Đăng ký  
Kinh doanh số**

4103002690

ngày 23 tháng 9 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300405462 (điều chỉnh lần thứ 12) ngày 26 tháng 8 năm 2013. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lâm Thái Dương

Chủ tịch

(Từ ngày 11 tháng 4 năm 2015 trở đi)

Ông Trần Thanh Văn

Chủ tịch

(Từ ngày 01 tháng 12 năm 2014 đến ngày 10 tháng 4 năm 2015)

Bà Phạm Kiều Diễm

Thành viên

Ông Ngô Đình Luyện

Thành viên

Ông Cao Trọng Miên

Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Tạ Duy Linh

Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Vũ Nhật Tâm

Thành viên

Bà Võ Thị Cẩm Hồng

Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Trần Thanh Văn

Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Bảo Hạnh

Phó Tổng Giám đốc

(Làm đến ngày 30 tháng 04 năm 2015 và nghỉ hưu theo chế độ).

Ông Lê Văn Năm

Phó Tổng Giám đốc

(Từ ngày 12 tháng 05 năm 2015 trở đi)

**Trụ sở đăng ký**

321 Trần Hưng Đạo  
Phường Cô Giang, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015**

**Mẫu B 09a – DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối pin và ắc quy.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Công ty có 1.081 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.096 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

#### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày cuối kỳ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### **(c) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### **(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### **(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

## Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

### (f) Tài sản cố định hữu hình

#### (i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

#### (ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa và vật kiến trúc 5 – 25 năm
- Máy móc và thiết bị 3 – 12 năm
- Phương tiện vận chuyển 6 – 8 năm
- Dụng cụ văn phòng 3 – 5 năm
- Khác 5 – 8 năm

### (g) Tài sản cố định vô hình

#### (i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

#### (ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

#### (iii) Phí chuyển giao công nghệ

Giá mua của phí chuyển giao công nghệ được vốn hóa và hạch toán là tài sản vô hình. Phí chuyển giao công nghệ được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.



## **Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

### **(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

### **(i) Chi phí trả trước dài hạn**

#### **(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

#### **(ii) Chi phí khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí quảng cáo và các chi phí khác phát sinh nhằm phục vụ cho hoạt động bán hàng của Công ty. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

### **(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

### **(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả cho nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

#### **(i) Chi phí bảo hành**

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

## **Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

### **(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 180/2012/TT-BTC, yêu cầu tất cả các khoản dự phòng trợ cấp thôi việc đều được hoàn nhập. Công ty đã thực hiện theo Thông tư 180 và đã hoàn nhập tất cả dự phòng trợ cấp thôi việc vào thu nhập trong năm 2012.

### **(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

### **(m) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

## **Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

### **(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu :
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có năm đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

## **Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

### **(ii) Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

### **(n) Quỹ khen thưởng phúc lợi**

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi năm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được dành riêng để chi trả tiền thưởng và các phúc lợi khác cho nhân viên Công ty.

### **(o) Doanh thu và thu nhập khác**

#### **(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

#### **(ii) Doanh thu từ tiền lãi**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

## Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

### (p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

### (q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

### (r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty đã thông qua Đại hội cổ đông phương án phát hành cổ phiếu trả bằng cổ phiếu là 15% nên có cổ phiếu suy giảm giá trị.

## 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền mặt	1.215.824.312	740.367.151
Tiền gửi ngân hàng	138.456.106.664	159.896.515.420
Các khoản tương đương tiền	45.000.000.000	40.000.000.000
	<b>184.671.930.976</b>	<b>200.636.882.571</b>

## 5. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn phản ánh tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có thời gian đáo hạn trong vòng 12 tháng từ ngày phát sinh và có lãi suất năm dao động từ 6,2% đến 7%.

## 6. Phải thu khác

	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	4.509.166.667	5.146.250.000
Phải thu khác	(24.856.836)	18.721.757
	<b>4.484.309.831</b>	<b>5.164.971.757</b>

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

**7. Hàng tồn kho**

	<b>30/06/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	83.271.264.923	40.421.769.898
Nguyên vật liệu	139.787.730.277	159.784.651.608
Công cụ, dụng cụ	12.288.002.944	43.911.439.032
Sản phẩm dở dang	94.706.170.899	96.061.594.692
Thành phẩm	106.516.969.561	111.363.428.772
Hàng hóa	94.324.696	157.964.046
Hàng gửi đi bán	282.270.140	
	<hr/>	<hr/>
	<b>436.946.733.440</b>	<b>451.700.848.048</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(11.911.715.931)	(3.208.674.175)
	<hr/>	<hr/>
	<b>425.035.017.509</b>	<b>448.492.173.873</b>

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa và vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Dụng cụ văn phòng VND</b>	<b>Khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	<b>131.429.785.375</b>	<b>549.701.123.972</b>	<b>20.746.648.145</b>	<b>8.650.726.694</b>	<b>1.280.905.300</b>	<b>711.809.189.486</b>
Tăng giảm trong năm	<b>1.541.597.644</b>	<b>(226.136.691)</b>	<b>1.747.533.091</b>	<b>(175.184.369)</b>		<b>2.887.809.675</b>
Mua sắm mới trong kỳ		3.379.326.391	2.677.032.364			<b>6.056.358.755</b>
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ dang	1.775.114.018	570.331.626				<b>2.345.445.644</b>
Điều chỉnh giảm do Ktoán NN Thanh lý	(233.516.374)	(4.175.794.708)	(906.772.000)	(118.067.600)	(57.116.769)	<b>(79.844.042)</b>
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>132.971.383.019</b>	<b>549.474.987.281</b>	<b>22.494.181.236</b>	<b>8.475.542.325</b>	<b>1.280.905.300</b>	<b>714.696.999.161</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	<b>51.657.672.283</b>	<b>305.840.839.807</b>	<b>12.904.654.198</b>	<b>7.441.621.501</b>	<b>735.024.807</b>	<b>378.579.812.596</b>
Khấu hao trong năm	4.261.490.891	25.549.413.970	971.267.360	436.310.817	110.379.533	<b>31.328.862.571</b>
Điều chỉnh giảm do Ktoán NN Thanh lý	(233.516.374)	-4.175.794.708	(906.772.000)	(118.067.600)	(51.054.838)	<b>(73.782.111)</b>
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>55.685.646.800</b>	<b>327.214.459.069</b>	<b>12.946.422.285</b>	<b>7.708.809.880</b>	<b>845.404.340</b>	<b>404.400.742.374</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Vào ngày 01/01/2015	<b>79.772.113.092</b>	<b>243.860.284.165</b>	<b>7.841.993.947</b>	<b>1.209.105.193</b>	<b>545.880.493</b>	<b>333.229.376.890</b>
Vào ngày 30/06/2015	<b>77.285.736.219</b>	<b>222.260.528.212</b>	<b>9.547.758.951</b>	<b>766.732.445</b>	<b>435.500.960</b>	<b>310.296.256.787</b>

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 162.274 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 30 tháng 06 năm 2015; giảm so với quý 1 : 169.525 triệu VND là do một số thiết bị đã thanh lý (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 157.045 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

**9. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm vi tính VND</b>	<b>Phí chuyển giao công nghệ VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	<b>47.293.702.056</b>	<b>5.055.248.004</b>	<b>3.431.895.988</b>	<b>55.780.846.048</b>
Mua trong kỳ	-	-	1.470.500.000	<b>1.470.500.000</b>
Số dư cuối kỳ	<b>47.293.702.056</b>	<b>5.055.248.004</b>	<b>4.902.395.988</b>	<b>57.251.346.048</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	<b>20.158.018.795</b>	<b>3.671.484.825</b>	<b>686.379.197</b>	<b>24.515.882.817</b>
Khấu hao trong kỳ	271.680.439	359.864.131	580.886.859	<b>1.212.431.429</b>
Số dư cuối kỳ	<b>20.429.699.234</b>	<b>4.031.348.956</b>	<b>1.267.266.056</b>	<b>25.728.314.246</b>
Giá trị còn lại				
<b>Vào ngày 01/01/2015</b>	<b>27.135.683.261</b>	<b>1.383.763.179</b>	<b>2.745.516.791</b>	<b>31.264.963.231</b>
<b>Vào ngày 30/06/2015</b>	<b>26.864.002.822</b>	<b>1.023.899.048</b>	<b>3.635.129.932</b>	<b>31.523.031.802</b>

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 25.097 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 30 tháng 06 năm nhưng vẫn đang được sử dụng.



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Chi phí trả trước cho máy móc và thiết bị	1.149.313.072	1.082.733.766
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.472.016.391	-
Chi phí sửa chữa, nâng cấp TSCĐ	524.463.328	4.552.038.898
	<b>5.145.792.791</b>	<b>5.634.772.664</b>

**11. Đầu tư dài hạn khác**

Đầu tư dài hạn khác bao gồm khoản đầu tư vốn chủ sở hữu vào Công ty TNHH Đầu tư Kinh Doanh Bất động sản Việt Gia Phú, chi tiết như sau:

Đầu tư tài chính dài hạn	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	Phần trăm sở hữu thực tế
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Việt Gia Phú	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất và bán nguyên vật liệu, thiết bị được sử dụng trong xây dựng.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0310500637 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh ban hành lần đầu vào ngày 6 tháng 12 năm 2010 và lần sửa đổi gần nhất là vào ngày 29 tháng 4 năm 2014.	2,25%

Trước ngày 29 tháng 4 năm 2014, Công ty sở hữu 60% vốn của Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Việt Gia Phú (“VGP”). Vào ngày 29 tháng 4 năm 2014, VGP tăng vốn từ 6 tỷ VND lên đến 160 tỷ VND và Công ty đã không tham gia lần tăng vốn này. Theo đó, VGP không còn là một công ty con của Công ty do tỷ lệ sở hữu của Công ty giảm từ 60% xuống 2,25%.

**12. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Thuê văn phòng và nhà xưởng (N)	5.094.163.480	120.000.000
Công cụ, dụng cụ (CCDC)	656.396.488	1.064.338.967
Phí quảng cáo (QC)	1.788.155.204	1.794.750.384
Khác (K)	71.300.272	48.084.538
	<b>7.610.015.444</b>	<b>3.027.173.889</b>

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>30/06/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thiết bị và công cụ, dụng cụ (CCDC)	2.976.667.164	5.532.349.130
Thuê văn phòng và nhà xưởng (N)	305.764.465	222.602.777
Phí quảng cáo (QC)	207.637.759	
Khác (K)	550.196.053	789.796.650
	<b>4.040.265.441</b>	<b>6.544.748.557</b>

**14. Vay ngắn hạn**

Các khoản vay ngắn hạn bao gồm các khoản vay với điều khoản và điều kiện như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất (năm)</b>	<b>30/06/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng Thương mại Chinatrust Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (Ngân hàng CTBC)	USD	1,8%	1.850.284.800	64.330.452.147
Ngân hàng TNHH HSBC (Việt Nam)	USD	1,5% - 1,6%	93.917.992.677	135.312.202.369
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	USD	1,5% - 1,8%	254.281.931.467	152.761.504.345
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam (Viettin Bank) (*)	VND	2,2% - 2,8%		49.687.568.573
Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu (*)	VND	3,5%		25.623.600.000
Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam	USD	1,5%	65.593.535.716	59.637.713.160
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam	USD	1,4%	8.214.321.679	
Ngân hàng BIDV	USD	1,6%	30.687.404.312	-
			<b>454.545.470.651</b>	<b>487.353.040.594</b>

Tất cả các khoản vay ngắn hạn ngân hàng không có đảm bảo bằng tài sản.

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(\*) Các khoản vay ngắn hạn này là các khoản vay bằng tiền Việt Nam Đồng nhưng được áp dụng lãi suất cho vay của các khoản vay ngắn hạn bằng tiền Đô-la Mỹ.

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>30/06/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.099.538.277	3.529.330.583
Thuế thu nhập cá nhân	566.401.122	474.075.072
Thuế giá trị gia tăng	440.902.461	671.700.114
Phí thuê đất	15.811.982.552	13.829.560.480
Các loại thuế khác	(21.548.083)	2.362.000
	<b>28.897.276.329</b>	<b>18.507.028.249</b>

**16. Chi phí phải trả**

	<b>30/06/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hoa hồng & chiết khấu phải trả đại lý	66.879.091.514	29.767.223.959
Chi phí bảo hiểm	3.130.218.483	-
Chi phí lãi vay	312.407.424	376.316.217
Chi phí phải trả khác	2.867.184.236	4.260.512.092
	<b>73.188.901.657</b>	<b>34.404.052.268</b>

**17. Phải trả khác**

	<b>30/06/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	440.311.080	903.096.200
Bảo hiểm xã hội	230.189.061	118.010.653
Cổ tức phải trả	21.312.567.210	-
Phải trả khác	(969.666.148)	59.017.696
	<b>21.013.401.203</b>	<b>1.080.124.549</b>

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

**18. Dự phòng phải trả**

Biến động của khoản dự phòng bảo hành sản phẩm và sửa chữa lớn trong kỳ như sau:

	<b>30.06.2015</b>	<b>31.12.2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	6.908.915.025	8.828.683.963
Dự phòng lập trong kỳ	-	-
Dự phòng kế hoạch sửa chữa lớn Quý 01/2015		
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ		(1.919.768.938)
Số dư cuối kỳ	<b>6.908.915.025</b>	<b>6.908.915.025</b>

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

**19. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VND</b>	<b>Cổ phiếu quỹ VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014</b>	<b>269.878.430.000</b>	<b>62.295.088.755</b>	<b>(14.419.110.657)</b>	<b>50.253.243.359</b>	<b>26.987.843.000</b>	<b>103.482.528.318</b>	<b>498.478.022.775</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	74.408.588.711	74.408.588.711
Cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(53.250.062.000)	(53.250.062.000)
- Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	7.440.863.371	-	(7.440.863.371)	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(8.184.949.708)	(8.184.949.708)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	<b>269.878.430.000</b>	<b>62.295.088.755</b>	<b>(14.419.110.657)</b>	<b>57.694.106.730</b>	<b>26.987.843.000</b>	<b>109.015.241.950</b>	<b>511.451.599.778</b>
<b>Lợi nhuận thuần trong kỳ</b>	-	-	-	-	-	47.189.936.064	47.189.936.064
Cổ tức bằng cổ phiếu	39.934.500.000	-	-	-	-	(39.937.546.500)	39.937.546.500
Cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(39.937.563.407)	(39.937.563.407)
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-
Kết chuyển quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	26.987.843.000	(26.987.843.000)	-	-
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2015</b>	<b>309.812.930.000</b>	<b>62.295.088.755</b>	<b>(14.419.110.657)</b>	<b>84.681.949.730</b>		<b>76.333.114.607</b>	<b>518.703.972.435</b>

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ Quý 02 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

## **20. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>30/06/2015</b>		<b>31/12/2014</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	30.981.293	309.812.930.000	26.987.843	269.878.430.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	30.981.293	309.812.930.000	26.987.843	269.878.430.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	(362.812)	(14.419.110.657)	(362.812)	(14.419.110.657)
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	30.618.481	306.184.810.000	26.625.031	266.250.310.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	<b>30.06.2015</b>		<b>31.12.2014</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	26.625.031	266.250.310.000	26.625.031	266.250.310.000
Cổ phiếu quỹ mua lại trong kỳ				
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	3.993.450	39.934.500.000	-	-
Số dư cuối kỳ	30.618.481	306.184.810.000	26.625.031	266.250.310.000

## **21. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu**

Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu bao gồm quỹ đầu tư và phát triển và quỹ dự phòng tài chính, được trích lập từ lợi nhuận sau thuế từng năm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần. Theo thông tư 200/2014/TT/BTC Quỹ dự phòng tài chính được nhập vào quỹ đầu tư và phát triển và kể từ ngày 01/01/2015 sẽ không trích lập nữa.

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

**22. Doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**23. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>30/06/2015</b>	<b>30/06/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	6.641.419.562	10.004.290.489
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.192.924.371	280.452.359
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	137.871.395	306.501.396
Doanh thu hoạt động tài chính khác		-
	<b>7.972.215.328</b>	<b>10.591.244.244</b>

**24. Chi phí tài chính**

	<b>30/06/2015</b>	<b>30/06/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	3.827.915.485	9.709.133.909
Chiết khấu thanh toán	252.879.521	2.997.751.956
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.155.814.422	3.941.649.010
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.844.788.144	
	<b>15.081.397.572</b>	<b>16.648.534.875</b>

**25. Thu nhập khác**

	<b>30/06/2015</b>	<b>30/06/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bán thanh lý TSCĐ	281.599.454	
Bán phế liệu	847.560.003	470.229.055
Thu nhập khác	95.953.442	52.164.732
	<b>1.225.112.899</b>	<b>522.393.787</b>

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

## **26. Thuế thu nhập**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế “TNDN”) với thuế suất bằng 22% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ tài chính.

	VNĐ		
	<i>Hoạt động kinh doanh</i>	<i>Hoạt động khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	<b>61.531.957.568</b>	<b>1.118.320.971</b>	62.650.278.539
Thuế TNDN ước tính kỳ hiện hành	20.617.143.521		20.617.143.521
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ			<b>3.529.330.583</b>
Thuế TNDN đã trả trong kỳ			13.674.534.873
Thuế TNDN phải trả trong kỳ			22.244.742.567
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ			<b>12.099.538.277</b>

## **27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 19.553.673.087 VND (31.12.2014: 74.408.588.711 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 26.625.031 (31.12.2014: 26.625.031), được tính như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>30.06.2015</b>	<b>31.12.2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	47.189.936.064	74.408.588.711

---



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	30.06.2015	31.12.2014
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm Mua cổ phiếu quỹ	30.618.481	26.625.031
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối năm	30.618.481	26.625.031

**28. Cam kết**

**Chi tiêu vốn**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Công ty có cam kết đầu tư mua sắm mới TSCĐ, sửa chữa lớn nâng cấp nhà xưởng, .. bao gồm :

	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng		7.253.919.595
Máy móc và thiết bị	1.924.086.080	
Nhà cửa và vật kiến trúc	41.011.230	
Hệ thống điện	17.000.000	
Khác	2.697.108.513	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.679.205.823</b>	<b>7.253.919.595</b>

Ngày 18 tháng 07 năm 2015

Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Ánh

Người soát xét

Nguyễn Duy Hưng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Thanh Văn  
Tổng Giám đốc